

# NGƯỜI HOA HẸ (HAKKA) Ở VIỆT NAM

*Nguyễn Duy Bính\**

Người Hoa do nhiều lí do và nguyên nhân khác nhau đã di cư vào Việt Nam. Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng là một hiện tượng đáng lưu ý. Từ chỗ lúc đầu chỉ là những người di cư lưu lạc, dần dần hình thành các nhóm cộng đồng người tương đối ổn định. Trong quá trình định cư ở Việt Nam, người Hoa đã tiếp tục phát triển những đặc trưng văn hoá của mình trên cơ sở những yếu tố văn hoá truyền thống mà họ mang theo, đồng thời đã sản sinh ra những yếu tố mới trong quá trình thích ứng với vùng đất mới và sự giao lưu với các dân tộc cùng sinh sống trong vùng.

Trong khuôn khổ bài viết này, những vấn đề mà tác giả quan tâm nghiên cứu là *nguồn gốc, lịch sử hình thành, các yếu tố văn hoá truyền thống của người Hoa (Hẹ) ở Việt Nam như văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, qua đó góp phần nghiên cứu sâu hơn về tộc người này trong cộng đồng người Hoa ở Việt Nam (gồm 5 nhóm chủ yếu: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Hẹ).*

## I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Lịch sử hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam được nhiều học giả trong và ngoài nước đặc biệt quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, cho đến nay thuật ngữ người Hoa vẫn còn tiếp tục được thảo luận. Trong thư tịch cổ Trung Quốc cũng như thư tịch cổ Việt Nam, người Trung Quốc cư trú ở nước ngoài được gọi theo tên các triều đại hay tên các địa phương cư trú của họ bên Trung Quốc. Trong các tài liệu tiếng Anh, người Trung Quốc cư trú ở nước ngoài được gọi là "Overseas Chinese" hay "Resident Chinois"<sup>(1)</sup>. Thông thường cách gọi người Hoa theo tên các địa phương như Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam, Hẹ... hay tên các triều đại: Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh... chỉ để phân biệt các nhóm cộng đồng người Trung Quốc với nhau hơn là để phân biệt người Trung Quốc đã gia nhập hay chưa gia nhập quốc tịch nước sở tại. Ngày 8 tháng 11 năm 1995, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra chỉ thị 62 về công tác người Hoa. Theo đó, khái niệm người Hoa ở Việt Nam được hiểu: "Bao gồm những người gốc Hán và những người thuộc dân tộc ít người ở Trung Quốc đã Hán hoá, di cư sang Việt Nam và con cháu của họ sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, đã nhập quốc tịch Việt Nam, nhưng vẫn còn giữ những đặc trưng văn hoá, chủ yếu là ngôn ngữ, phong tục tập quán của dân tộc Hán và tự nhận mình là người Hoa". Như vậy,

\* Tiến sĩ, Trường Cao Đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam.

người Hoa là công dân Việt Nam, là một trong thành phần dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam<sup>(2)</sup>.

Hiện nay ở Việt Nam có gần một triệu người Hoa<sup>(3)</sup>, trong đó 90% sống ở miền Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng người Hoa tập trung đông nhất.

Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam kéo dài trong nhiều thế kỷ với nhiều đợt di cư từ lục địa và hải đảo Trung Hoa. Nguyên nhân di cư của người Hoa vào Việt Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng có nhiều, trong đó có thể phân ra hai loại chính: Nguyên nhân kinh tế và nguyên nhân phi kinh tế. Trong hai nguyên nhân thì nguyên nhân kinh tế chiếm vị trí chủ yếu và chi phối suốt chiều dài lịch sử. Đó là sự mất mùa, đất chật người đông, đói kém, bệnh tật... khiến người Hoa phải ra đi đến một miền đất mới có điều kiện thiên nhiên, địa lý thuận lợi hơn. Các nguyên nhân phi kinh tế có thể tóm tắt như sau: đó là những biến động chính trị, sự tranh giành quyền lực giữa các triều đại phong kiến, các cuộc khởi nghĩa của nông dân bị thất bại, các cuộc chiến tranh ở Trung Quốc. Đại bộ phận nông dân Trung Quốc chịu cảnh nghèo đói, loạn lạc... Vì vậy, họ đành phải ra đi, lìa bỏ quê hương tìm miền đất mới để chịu hơn. Theo Vichto Puxen thì từ thế kỷ thứ III trước công nguyên người Hoa đã có mặt ở Việt Nam<sup>(4)</sup>.

Ngoài phần lớn người Hoa di cư đến Việt Nam từ thế kỷ XVII là nông dân, còn có khá nhiều các thành phần khác như quan lại, binh lính của nhà Minh bị nhà Thanh phế truất trong phong trào “Phản Thanh phục Minh”. Những người Hoa này di cư vào Việt Nam bằng nhiều con đường khác nhau, “Một số vào miền núi phía Bắc mở các công trường khai mỏ”, “Họ cư trú tập trung thành làng như làng Tống Tinh ở Thái Nguyên”. Một số người tràn vào các đô thị như: Kẻ Chợ, Phố Hiến (Đàng Ngoài) Thanh Hà, Hội An (Đàng Trong), từ nửa sau thế kỷ XVII người Hoa đã vượt biển đi xa hơn nữa vào vùng đất Hà Tiên (trước đây gọi là Mang Khảm), Gia Định, Định Tường, Biên Hòa<sup>(5)</sup>. Tiêu biểu nhất là ba nhóm di cư có tổ chức của Mạc Cửu và những người tị nạn cùng gia thuộc của họ vào khai phá vùng Mang Khảm năm 1672; nhóm Dương Ngạn Địch – Hoàng Tiến và nhóm Trần Thượng Xuyên – Trần An Bình vào Mỹ Tho và Biên Hòa, cả hai nhóm này được chúa Nguyễn cho vào khai phá vùng đất Đông Phố (Gia Định) vào năm 1679. Theo tác giả Châu Hải thì Mạc Cửu người gốc Liễu Châu tỉnh Quảng Đông, là sĩ quan trong quân đội chống Mãn Thanh. Sau khi bị thất bại, ông đem theo một đoàn 400 người gồm những quân sĩ còn lại và gia đình của họ vào khai phá vùng đất Hà Tiên<sup>(6)</sup>.

Từ nửa đầu thế kỷ XVIII trở đi, dòng người Hoa nhập cư vào Việt Nam ngày càng nhiều. Quá trình liên kết dân tộc giữa người Hoa với người Việt và các dân tộc anh em khác của Việt Nam diễn ra một cách nhanh chóng và người Hoa trở thành một bộ phận ổn định, thường xuyên trong cơ cấu xã hội Việt Nam.

Địa bàn cư trú tập trung người Hoa là Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Tây. Một số địa phương có đông người Hoa là: Thành phố Hồ Chí Minh: 550.000 người, Sóc Trăng: 80.000 người, Cần Thơ: 22.400 người, Kiên Giang: 36.000 người, Minh Hải: 30.000 người, Sông Bé: 20.000 người, An Giang: 17.000 người<sup>(7)</sup>.

Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có người Hoa cư trú tập trung nhất. Theo các báo cáo của Ban công tác người Hoa thì người Hoa chiếm khoảng 12 % dân số toàn thành phố. Phân tích về thành phần các nhóm địa phương người Hoa cho thấy: Người Quảng Đông chiếm: 56,5 %, người Triều Châu: 43,0 %, người Phúc Kiến: 6,0 %, người Hải Nam: 2,0 %, người Hẹ (Hakka): 2,0%<sup>(8)</sup>.

Người Hoa Hẹ là một trong số cộng đồng có số dân ít nhất trong cộng đồng người Hoa ở Việt Nam. Theo những tài liệu của Trung Quốc thì tổng số dân số người Hẹ trên toàn thế giới khoảng 40.000.000 người. Ở Trung Quốc, người Hẹ cư trú chủ yếu tại các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Hồ Nam, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Đài Loan và đảo Hải Nam. Các học giả Trung Quốc tin rằng người Hẹ là một bộ phận của người Hán có nguồn gốc từ các tỉnh Sơn Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc. Do chiến tranh, bệnh dịch, đói kém, mất mùa, nên từ khoảng thế kỷ thứ III người Hẹ đã di cư xuống các tỉnh miền Nam Trung Quốc. Những cuộc thiên di này đã diễn ra liên tục trong suốt các triều đại ở Trung Quốc<sup>(9)</sup>.

Hiện nay còn có khá nhiều giả thiết về nguồn gốc của người Hẹ. Phần lớn các tác giả đều cho rằng người Hẹ là một bộ phận phía Bắc của người Hán. Tổ tiên của người Hẹ từng sinh sống ở vùng sông Hoàng Hà (Yellow River area) và họ là một trong những người Hán đầu tiên định cư ở Trung Quốc.

Một giả thuyết khác thì cho rằng do cộng đồng người Hẹ có nhiều yếu tố văn hoá Hán, trong suốt hơn 2000 năm lịch sử di cư, cùng chung sống, có các mối quan hệ về kinh tế, văn hoá, hôn nhân với các tộc người khác ở Trung Quốc nên người Hẹ đã chịu ảnh hưởng những nét văn hoá của các dân tộc này. Trong quá trình di cư, người Hẹ đã pha trộn với các tộc người từ vùng Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc Trung Quốc. Khi những người Hẹ đầu tiên định cư ở các tỉnh Giang Tây, Phúc Kiến và Quảng Đông, thì người dân địa phương ở đây đã gọi họ là Hakka và từ này xuất phát từ một từ một phương ngôn của người Hẹ được đánh vần là "haagga", tiếng phổ thông Trung Quốc là "kejia" khách.

Trong lịch sử, người Hẹ đã di cư đến nhiều vùng khác nhau trên thế giới trong đó có vùng Đông Nam Á, Đông Phi, Châu Âu (Hà Lan, Vương Quốc Anh, Pháp, Đức), Nam Mỹ, Bắc Mỹ. Khoảng 7% trong số 1.2 tỷ người Trung Quốc có nguồn gốc Hẹ. Tuy nhiên, con số này có thể hơn vì trên con đường di cư trong suốt chiều dài lịch sử, nhiều người Hẹ đã định cư, có quan hệ hôn nhân và hoà nhập vào cộng đồng các tộc người địa phương rồi mất hẳn những nét văn hoá tộc người của mình.

Sử gia Trung Quốc Lo Xiang Lin thì cho rằng, có 5 đợt di cư lớn của người Hẹ.

1. *Đợt 1* bắt đầu từ thời Đông Tấn (317-420), sau đó từ triều Tùy (581-618). Do những đợt tấn công của các bộ tộc từ phương Bắc vào Trung Hoa, người Hẹ đã phải di cư từ tỉnh Sơn Tây xuống Hồ Nam, sau đó họ lại tiếp tục di chuyển tới lưu vực sông Dương Tử và định cư ở Hồ Bắc, An Huy và Giang Tây.

2. *Đợt 2* từ triều Đường (618-907) đến triều Bắc Tống (960-1127), đặc biệt từ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào (880), người Hẹ đã di chuyển xa hơn nữa từ Hồ

Nam xuống An Huy, phía Đông Nam tỉnh Giang Tây, Tây Nam của tỉnh Phúc Kiến và phía Bắc tỉnh Quảng Đông.

3. *Đợt 3* từ thời Nam Tống (1127-1279), tiếp tục từ triều Nguyên (1271-1368) đến triều Minh (1368-1644). Những cuộc chiến tranh liên miên đã buộc người Hẹ tiếp tục di chuyển từ phía Bắc xuống phía Đông của tỉnh Quảng Đông, cho đến thời điểm triều Tống được thành lập, người Hẹ đã định hình thành những cộng đồng tương đối ổn định ở phía Nam Trung Quốc.

4. *Đợt 4* được tiếp tục từ Triều Thanh (1644- 1866), người Hẹ tiếp tục di chuyển từ vùng trung tâm tỉnh Quảng Đông đến bờ biển các tỉnh Quảng Đông, Tứ Xuyên, Hồ Nam và Đài Loan.

5. *Đợt 5* tiếp tục vào cuối triều Thanh (sau 1867), đặc biệt từ phong trào nông dân Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) nhiều người Hẹ đã chạy đến đảo Hải Nam, Quảng Tây, Đài Loan, hải ngoại trong đó có Việt Nam<sup>(10)</sup>.

Giáo sư Fan Qi thuộc Đại học Quốc gia Trung Quốc thì đưa ra một giả thuyết khác, theo đó chỉ có 3 đợt di cư lớn của người Hẹ, bắt đầu từ thời Tần.

- Đợt 1 bắt đầu từ thời Tần.
- Đợt 2 tiếp tục từ thời Tấn.
- Đợt 3 từ thời Nam Tống.

Giáo sư Qi Fan còn cho rằng, Tần Thủy Hoàng Di đã cử một người tên Zhao Tuo làm quan cai quản tỉnh Quảng Đông. Sau khi Tần Thủy Hoàng Di chết, Zhao Tuo đã tuyên bố thành lập vương quốc riêng của mình, tách khỏi nước Tần, bao gồm các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây. Zhao Tuo và khoảng 200.000 binh lính của ông ta đều có xuất xứ từ những vùng khác nhau từ vùng trung tâm Trung Quốc, họ là những cư dân Hán đầu tiên định cư ở trung tâm vùng đồng bằng tỉnh Quảng Đông. Hiện nay, ở Quảng Đông có rất nhiều phương ngôn. Người Hẹ ở phía Bắc tỉnh Quảng Đông nói tiếng hơi khác phương ngôn của người Hẹ ở Phúc Kiến và Giang Tây<sup>(11)</sup>.

Như vậy, cho đến nay giả thuyết về nguồn gốc người Hẹ vẫn chưa thống nhất. Tuy nhiên, tôi đồng ý với giáo sư Siu-Leung Lee, một học giả người Hẹ rằng: thứ nhất – người Hẹ là một cộng đồng hỗn hợp đã bị ảnh hưởng văn hoá từ nhiều tộc người. Thứ hai – người Hẹ là người Hoa trước khi có tên gọi Hakka. Thứ ba – văn hoá của người Hẹ là một bộ phận quan trọng trong kho tàng văn hoá Trung Hoa.

### 1. Thuật ngữ Hakka

Theo cuốn từ điển rất nổi tiếng của Trung Quốc do Nhà xuất bản Thượng Hải ấn hành, thì Hakka là những cư dân sống ở tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây. Một số người Hakka khác thì sống ở tỉnh Tứ Xuyên và Đài Loan, họ là những người di cư đến các tỉnh miền Nam Trung Quốc sau triều Tấn. Người Hakka là những người nói thứ ngôn ngữ có cội nguồn từ tiếng Hán cổ.

Thuật ngữ Hakka với nghĩa là “gia đình những người khách” là một sai lầm và thuật ngữ này chỉ được dùng từ triều đại Thanh. Mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của người Hẹ, phần lớn các học giả đều cho rằng người Hẹ là một cộng đồng người đã di cư từ phía Bắc của Trung Quốc xuống phía Nam từ triều Đông Tấn (317-420). Một vài học giả còn cho rằng đợt di cư đầu tiên của người Hẹ đã bắt đầu từ triều Tần (220- 206 TCN) khi dân tộc Trung Hoa (Chinese Nation) hình thành. Họ là những cư dân đầu tiên định cư ở lưu vực sông Hoàng Hà (Yellow River basin).

**2. Thuật ngữ Hán** Theo từ điển Oxford English Dictionary thì từ Hán trong tiếng Anh là một từ Thổ Nhĩ Kỳ cổ là Khan có nghĩa là “vua, chúa tể, hoàng tử”.

Trong tiếng Mông Cổ, “Khan” hay “Hán” là một từ có âm cùng với “Hán” của Trung Quốc. Theo Liu Bang thì thuật ngữ Hán có từ triều đại Hán<sup>(12)</sup>.

Theo GS. Nguyễn Gia Phú và GS. Nguyễn Huy Quý thì: “Trên lãnh thổ Trung Hoa, người Hán thuộc chủng tộc Á (Mônggôloid) lúc đầu gọi là Hoa, Hạ, hoặc Hoa Hạ. Có ý kiến giải thích rằng vì có trang phục đẹp nên gọi là Hoa, vì có lễ nghi lớn nên gọi là Hạ. Địa bàn chủ yếu của tộc Hoa Hạ ở lưu vực Hoàng Hà. Trong thời gian ấy, cư dân ở lưu vực sông Trường Giang, tức là địa bàn của các nước Sở, Ngô, Việt, về ngôn ngữ và phong tục tập quán khác hẳn cư dân vùng Hoàng Hà. Ví dụ họ có tục cắt tóc, xăm mình, đi chân đất. Đến thời Xuân Thu, do quá trình tiếp xúc thì cư dân ở đây đã dần dần đồng hoá với người Hoa Hạ. Sau khi Trung Quốc thống nhất vào thời Tần, người Hoa Hạ không những có sự cộng đồng về lãnh thổ mà còn có sự cộng đồng về kinh tế, chữ viết và tâm lí nên dần dần đã hình thành một dân tộc ổn định vào thời Hán, được gọi là Hán tộc. Tuy vậy, bên cạnh tên gọi Hán, tên gọi Hoa Hạ vẫn tiếp tục được sử dụng. Hiện nay ở Trung Quốc có 56 dân tộc được gọi chung là dân tộc Trung Hoa, trong đó Hán tộc là dân tộc đa số, chiếm 93% cư dân<sup>(13)</sup>. Tiếng Hẹ là một trong bảy phương ngôn chính ở Trung Quốc. Nếu so sánh với hai ngôn ngữ chủ yếu ở Quảng Châu và Nam Phúc Kiến thì tiếng Hẹ gần nhất với tiếng phổ thông (Standard Mandarin Chinese).

## II. VĂN HÓA VẬT CHẤT

### 1. Kiểu nhà cửa truyền thống

Kiểu nhà truyền thống của người Hẹ là những ngôi nhà của những đại gia đình lớn nhiều thế hệ với vài chục gia đình cùng chung sống.

Người Hẹ có ba kiểu nhà. Loại thứ nhất là nhà “Phượng hoàng 5”; loại thứ hai là nhà đất tròn và thứ ba là kiểu nhà vuông nhiều tầng với rất nhiều phòng.

Theo Tiến sĩ Tin – Kay Goh người Australia thì đợt di cư thứ nhất của người Hẹ đến Phúc Kiến bao gồm những người thuộc gia đình Hoàng gia và chỉ họ mới có đủ tiền để xây những công trình lớn như vậy. Ngoài những người được

phép của Hoàng đế thì chẳng có người nào lại dám liều mạng để xây những cung điện với sự trang hoàng đẹp và quý tộc đến thế.

Ở giai đoạn tiếp theo của quá trình thiên di, người Hẹ đã mất đi sự ủng hộ và nguồn tài chính của Hoàng đế, không những thế họ lại phải đối phó với chính quyền địa phương, cho nên những ngôi nhà của họ được xây dựng với một cấu trúc mang tính phòng thủ cao.

Ở giai đoạn sau, người Hẹ đã ít nhiều có những mối quan hệ với chính quyền địa phương nên những ngôi nhà của họ ít mang tính phòng thủ hơn, ít nhiều có dấu hiệu của sự cởi mở. Kiểu nhà vòng tròn nhiều phòng phần lớn dành cho những người thuộc tầng lớp dưới, những người hầu hạ của những gia đình quý tộc. Kiểu nhà phương hoàng xuất hiện ngay từ thời kỳ đầu khi những người Hẹ di cư đến Phúc Kiến.

Nhà đất tròn được xây bằng đất và có ba loại: loại nhỏ, loại trung bình và loại lớn. Loại nhỏ thường có 2 hoặc 3 tầng, số phòng trong nhà giao động từ 12 đến 18, hoặc 21 đến 28 phòng và chỉ có một vòng. Loại trung bình thông thường có 4 tầng; số phòng từ 30 đến 40 hoặc 42 đến 58 phòng, chỉ có 1 vòng và có một khoảng đất rộng ở phía trong. Loại nhà tròn lớn thường có 4 đến 5 tầng, 3 vòng với 60 đến 72 phòng.

2/3 số nhà đất tròn đều có 3 tầng và có thể chứa đến 100 người trong 20 gia đình. Loại nhà này thường chỉ có một cổng chính, tường nhà tròn được xây rất dày khoảng 1m. Cánh cổng chính được làm bằng một tấm sắt có hai thanh gỗ làm then đóng ngang. Hai thanh gỗ này được thiết kế thụt vào trong tường để cửa có thể đóng mở dễ dàng và hệ thống khoá cửa trong mọi trường hợp đều không bị hỏng. Phía trong cổng vào của nhà tròn là một khoảng sân rất rộng, tất cả cửa và cửa sổ của các phòng đều nhìn ra sân.

Ở tầng trệt (tầng 1), ngoại trừ một phòng lớn và cầu thang, tất cả các phòng đều là nhà bếp và phòng ăn. Các phòng ở tầng 2 được dùng làm nhà kho. Các phòng ngủ được đặt ở tầng 3. Tất cả các phòng ở các tầng được thiết kế giống hệt nhau. Phía trước mỗi phòng đều có hành lang với 4 cầu thang để người ta có thể dễ dàng đi từ tầng này sang tầng khác.

Nhờ thiết kế như vậy nên mỗi gia đình người Hẹ đều có được một không gian thẳng từ tầng trệt là nhà bếp, đến tầng 2 là nhà kho và tầng 3 là phòng ngủ. Nếu không có hành lang thông gió thì mỗi gia đình đều có một cầu thang riêng.

Theo truyền thống, mỗi căn phòng trong nhà của người Hẹ thường có diện tích từ 10 đến 13 m<sup>2</sup>. Ngoài ra, người Hẹ còn thiết kế cửa sổ quan sát để có thể từ trong nhà nhìn ra phía ngoài. Những nhà tròn lớn lại có thêm một vòng nhỏ phía trong. Loại nhà tròn như vậy được xây đầu thế kỷ XV với chức năng phòng thủ cao. Từ triều Minh, khi bọn cướp biển Nhật Bản xâm nhập bờ biển vùng duyên hải Trung Quốc, chúng thường không dám mạo hiểm tấn công vào những ngôi nhà đất tròn của người Hẹ.

Nhà Phượng hoàng (nhà Phượng Hoàng 5) là kiểu nhà Hoàng gia điển hình của người Hẹ ở Trung Quốc. Loại nhà này có 5 đặc điểm chính. Thứ nhất, là loại nhà có phòng đại sảnh lớn ở chính giữa. Thứ hai, phải có ít nhất một đại sảnh ở lầu trên và một ở lầu dưới. Thứ ba, những căn phòng ở bên trái và bên phải đều đối xứng. Thứ tư, phía trước nhà bao giờ cũng có sân và ao. Thứ năm, nhà phía trước luôn thấp hơn nhà phía sau.

Người ta ước tính có hơn 2000 căn nhà Phượng Hoàng 5 ở những vùng thuộc phía tây của tỉnh Phúc Kiến. Ở tỉnh Quảng Đông có khoảng 10.000 căn và phần lớn tập trung ở miền Đông. Hiện nay, ở Trung Quốc có khoảng 20.000 căn nhà Phượng hoàng 5, nhiều hơn 4 lần Nhà đất tròn.

Nhà Phượng hoàng 5 tượng trưng cho 5 loài chim với 5 màu sắc khác nhau: màu hồng, màu vàng, màu xanh lá cây, màu đỏ tía và màu trắng. Nó cũng tượng trưng cho 5 hướng: Nam, Bắc, Đông, Tây và vùng trung tâm, chính vì vậy người Hẹ gọi nhà của mình là nhà Phượng Hoàng 5.

Nhà Phượng hoàng 5 cũng rất đa dạng, có loại nhà 3 đại sảnh; lại có nhà 2 đại sảnh và 1 phòng ở cạnh. Loại nhà 3 đại sảnh thường có 2 phòng bên cạnh và có hình một con rồng đang cuộn ở phía sau.

Nhà có 9 đại sảnh là loại nhà Phượng hoàng 5 lớn nhất của người Hẹ. Kiểu nhà này thường có 3 loại, ở đó là những dòng họ lớn đã từng sống ở đó hàng trăm năm. Loại nhà Phượng hoàng 5 còn được gọi là Nhà Hậu (hou lou) thường trông ra sông, phía sau nhà thường có một vườn rau, phía trước nhà là một cái ao lớn để tắm, giặt, nuôi cá, lấy nước tưới cây. Khi có hoả hoạn thì lấy nước dập lửa. Mái nhà thường được sơn màu xanh và tường màu trắng.

Nhìn chung, những kiểu nhà cổ truyền của người Hẹ thường có cửa sổ nhìn ra ngoài, một số nhà còn được thiết kế từ 2 đến 3 vòng. Giữa nhà là gian thờ cúng tổ tiên<sup>(14)</sup>.

Ở Việt Nam, nhà của người Hoa nói chung, nhà của người Hẹ nói riêng phần lớn là những căn nhà phố nhỏ hẹp của giới lao động bình dân. Nhà của người Hẹ tương đối hẹp, vừa là nhà ở, vừa làm mặt bằng kinh doanh sản xuất, vừa là nơi giao dịch, chứa nguyên vật liệu, thành phẩm... và cũng là nơi thờ cúng của gia đình. Chính vì vậy, nhà của người Hẹ ở các thành phố, thị trấn, thị tứ khá bừa bộn và kiêm nhiều chức năng. Ở nông thôn, nhà ở của người Hẹ cũng giống của người Việt, tùy theo từng khu vực. Ở miền Tây Nam Bộ, nhà của nông dân người Hẹ thường có cấu trúc đơn giản, có 2 hay 4 mái lợp bằng ngói hay bằng lá dừa nước. Dù ở nông thôn hay thành phố nhà của người Hẹ có thể dễ dàng nhận biết bởi cách bài trí trong nhà khác với người Việt và người Khơme. Nhìn vào nhà của người Hẹ, từ ngoài cửa cho đến trong nhà có khá nhiều bàn thờ và được dán nhiều mảnh giấy đỏ với các lời cầu chúc, cầu xin sự an khang, thịnh vượng bằng mực đen hoặc nhũ vàng<sup>(15)</sup>.

## 2. Nếp sống gia đình và cộng đồng

Gia đình lớn truyền thống của người Hẹ là gia đình phụ hệ và thường có nhiều thế hệ. Khi những người con trai trưởng thành, người cha sẽ bàn với các con trai để chia nhà và những tài sản khác. Khi người con trai lấy vợ, buổi sáng hôm cưới, cha vợ của anh ta sẽ đến và tặng con rể rất nhiều thứ như thóc, lúa, đồ gỗ và một cái xô. Trong xô có một bình nước, bát đĩa, bánh, một cái muối, hành và một ít cần tây. Làm như vậy, gia đình bên vợ muốn nói rằng họ rất muốn giúp đỡ con gái và con rể, mong muốn đôi vợ chồng sẽ làm ăn chăm chỉ. Theo quan niệm của người Hẹ, cần tây tượng trưng cho sự siêng năng, hành thì tượng trưng cho sự thông minh, lanh lợi, tỏi tượng trưng cho sự tính toán, còn đồ gỗ thì tượng trưng cho sự mạnh khỏe. Trong nghi lễ hôn nhân, người Hẹ thường lấy một sợi vải đỏ buộc vào một mầm cây rồi đặt trong một chiếc giỏ để ở đầu giường cô dâu. Người ta gọi cây này là cây “trường sinh”, sau đó vào ngày cưới cô dâu phải đem trồng nó vào trong vườn của nhà chồng với ý rằng cô dâu sẽ “mọc rễ”, chung thủy với chồng đến trọn đời<sup>(16)</sup>.

Khi các con lập gia đình và ra ở riêng thì một phần đất canh tác, núi, rừng và ao cá sẽ để lại cho gia đình lớn. Ruộng công sẽ được những người em trai hay cháu trai canh tác. Nguồn lợi thu được từ những ruộng công này dùng để cúng giỗ tổ tiên, giúp đỡ những thành viên nghèo trong gia đình, họ hàng, làm quỹ cho giáo dục hoặc mua sắm phương tiện cho cộng đồng.

Bên cạnh hệ thống pháp luật của quốc gia, địa phương, trong cộng đồng người Hẹ còn tồn tại nhiều quy tắc bất thành văn rất nghiêm ngặt của gia đình và dòng họ. Theo truyền thống, làng của người Hẹ là những khu vực cư trú tương đối tập trung, đứng đầu dòng họ là một trưởng lão có uy tín. Ở những ngôi nhà có nhiều thế hệ với số lượng hàng trăm người cùng sinh sống, mỗi gia đình chỉ được sử dụng và phơi đồ trước khu vực phòng riêng của từng nhà, không ai được phép chiếm địa phận thuộc về người khác. Mọi người có thể dùng nước trong ao của cộng đồng để tưới cây hoặc làm đất gieo cấy. Nếu một ai đó cố tình giữ nước để sử dụng riêng thì mọi người trong dòng họ có thể phá bờ nước của anh ta để công việc tưới tiêu được tiến hành kịp thời. Nếu có xô xát thì người bị hại được đền bù tiền thuốc men và mọi thiệt hại, những ai có lỗi phải đến nhà người bị hại để xin lỗi. Vào vụ lúa chín, không ai trong cộng đồng được phép thả gà, vịt... ra đồng của làng. Nếu có ai đó không chấp hành những quy định này thì mọi người có thể bắt thịt gà vịt thả sai đó. Rừng là tài sản chung của cộng đồng, nếu ai cố tình chặt cây bất hợp pháp hoặc làm cháy rừng thì người đó phải đền những thiệt hại đó cho cộng đồng.

Bên cạnh những đại gia đình nhiều thế hệ, hiện nay tiểu gia đình phụ hệ là hình thức phổ biến trong cộng đồng người Hẹ. Tiểu gia đình thường có hai thế hệ bao gồm một cặp vợ chồng và con cái chưa lập gia đình. Nhiều gia đình còn có cha hoặc mẹ chồng. Nhiều tiểu gia đình còn có các anh hoặc em chồng đã lập gia đình nhưng vẫn sống chung cùng một nhà, tuy các tiểu gia đình đã ăn riêng, điều này giải thích tại sao gia đình người Hẹ thường rất đông người.



Trong gia đình người Hẹ, vị trí của người phụ nữ rất hạn chế. Họ không có quyền thừa kế gia sản. Họ lại phải làm tất cả những công việc nội trợ trong gia đình. Trong quá trình di cư, những người đàn ông phải đảm trách những việc đối ngoại, chống lại sự tấn công của kẻ thù. Vì vậy, phụ nữ cũng phải làm công việc đồng áng. Một điều dễ dàng nhận ra là người phụ nữ Hẹ ăn mặc rất giản dị với những bộ váy màu đen, nón lá tròn...

### III. VĂN HOÁ TINH THẦN

#### 1. Tín ngưỡng, tôn giáo

Trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người Hẹ, thờ cúng tổ tiên đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Ngoài ra, người Hẹ còn thờ cúng nhiều vị thần dân gian khác. Nho giáo có ảnh hưởng rất lớn đến các phong tục và nghi lễ trong gia đình như ma chay, cưới xin... còn đạo giáo thì ảnh hưởng chủ yếu qua thuật xem đất, phong thủy...

Mỗi gia đình người Hẹ đều có bàn thờ tổ tiên, là nơi tôn nghiêm và là trái tim của căn nhà. Trong các dịp lễ hội hoặc bất kỳ một sự kiện gì quan trọng của gia đình, cộng đồng người Hẹ đều làm lễ cúng tổ tiên. Trong gia đình có ai đó ở xa trở về hoặc chuẩn bị đi xa làm ăn, người Hẹ đều phải đến làm lễ trước bàn thờ tổ tiên. Những cô gái trước khi về gia đình nhà chồng cũng phải làm lễ tạ ơn ông bà tổ tiên.

Các nghi lễ đám tang của người Hẹ rất phức tạp, nó phản ánh quan niệm của họ về một thế giới tâm linh. Khi trong nhà có người chết, người Hẹ thường đặt người quá cố ở giữa nhà. Sau khi con cháu đã về đầy đủ người ta mới làm lễ, thay quần áo và khâm liệm cho người chết.

Các nghi lễ tang ma của cộng đồng người Hẹ cũng không đồng nhất. Nhìn chung, phía trước mộ của người Hẹ bao giờ cũng có một bia đá lớn, sau 3 hoặc 5 năm, người ta làm lễ cải táng cho người chết. Sau khi đào mộ lên, người ta dùng rượu rửa kỹ hài cốt và đặt lại vào tiểu sành, chôn lại ở một địa điểm đã được xem và lựa chọn rất kỹ càng. Trong lịch sử di cư của mình, người Hẹ luôn di chuyển và không biết có ngày quay trở lại hay không, nên cho dù đi bất cứ nơi đâu người Hẹ cũng mang theo hài cốt tổ tiên và những người quá cố trong gia đình. Khi đến nơi mới họ lại làm lễ chôn hài cốt xuống, đây là một trong những nét rất điển hình để phân biệt người Hẹ với các cộng đồng người Hoa khác.

Ở Nam Bộ, các nghi lễ tang ma của các nhóm người Hoa cũng rất khác nhau. Người Hoa Hải Nam có tục cho tất cả quần áo của người chết vào quan tài, vì họ cho rằng, người chết thích dùng những đồ đạc lúc sống của mình. Lúc khâm liệm, người Hoa Hải Nam không dùng gối để kê đầu cho người chết, mà dùng hai thỏi giấy vàng (một đầu vàng, một đầu bạc) kê đầu cho họ, sau đó đội thêm một chiếc nón giấy lên đầu. Người Hoa Triều Châu còn có tục từng người con bón cơm và đường cho người chết, điều này có ý nghĩa để người chết không bị

đôi và thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu. Nghi lễ quan trọng nhất của người Triều Châu là nghi lễ qua cầu. Người ta làm tượng trưng một chiếc cầu giấy và một dòng sông là một thau nước, một căn nhà bằng giấy, một rương (hòm) quần áo, sau đó con cháu theo thứ tự, con trai trưởng cầm lư hương và làm động tác qua cầu, tiếp theo là những người khác. Lúc qua cầu, người ta rắc tiền xuống cầu và dòng sông. Lễ qua cầu có nghĩa là tiễn đưa người chết sang thế giới bên kia. Người Hẹ thì có tục liệm vào quan tài 2 bát cơm, thêm vào đó người ta còn chặt đôi chiếc đòn gánh thành một đoạn dài và một đoạn ngắn, đoạn ngắn được liệm vào quan tài, đoạn dài để lại cho người vợ hoặc chồng còn sống với ý nói lên sự chia lìa<sup>(17)</sup>.

Trong quá trình di cư và định cư ở Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, người Hoa nói chung, người Hẹ nói riêng đã trải qua bao tháng ngày lênh đênh vượt biển và sau đó định cư tại một vùng đất mới nơi đất khách quê người với bao nỗi niềm. Chính vì vậy, trong tâm thức của họ luôn nghĩ đến tổ tiên, đến các vị thần thánh mà họ tin rằng sẽ phù hộ cho mình trong công việc làm ăn, trong cuộc sống. Ngoài thờ cúng tổ tiên, người Hẹ còn thờ thần Đất, thần Tài, Thổ Sư, bà Thiên Hậu, Quan Công, Quan Âm Bồ Tát... đó là những hình thức tín ngưỡng vốn có sẵn từ Trung Quốc. Tuy nhiên, trong quá trình di cư và cộng cư với cộng đồng dân cư sở tại, thì nội dung của những tín ngưỡng của người Hẹ cũng có nhiều thay đổi. Một số tôn giáo thế giới cũng du nhập vào cộng đồng người Hoa nói chung và người Hẹ nói riêng. Tại Việt Nam, đạo Thiên Chúa được người Hoa tiếp nhận trong quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Đạo Tin Lành đã được một mục sư từ Trung Quốc truyền giáo vào cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn năm 1921<sup>(18)</sup>. Một điều đáng lưu ý là tuy người Hoa theo các tôn giáo lớn trên thế giới nhưng họ vẫn thờ cúng tổ tiên, vẫn đi chùa để cầu khẩn thần linh, điều này nói lên sự hoà hợp trong tôn giáo và tín ngưỡng của họ.

**2. Văn hoá dân gian** Văn hóa dân gian của các nhóm người Hoa nói chung, của người Hẹ nói riêng khá phong phú với nhiều loại hình như ca, múa, nhạc, văn học nghệ thuật... Kho tàng dân ca, ca dao, tục ngữ của người Hoa với nhiều làn điệu, nhiều nhạc cụ như đàn tỳ bà, đàn tranh, thanh la... cùng với những bài kinh kịch. Cùng với nhạc là những điệu múa như múa lân, múa rồng, múa sư tử... được tổ chức long trọng trong các dịp lễ tết.

Trong khi làm rẫy, làm nương, lúc giải lao thanh niên Hẹ rất thích hát đối với những làn điệu du dương về tình yêu, về công việc. Lời một bài ca sau đây rất phổ biến trong cộng đồng người Hẹ: “Khi anh lên núi, anh hãy nhìn xem, cây nho đang cuốn vào cây, nếu cây chết, cây nho sẽ ở lại mãi mãi, nếu nho chết thì cây cũng không rời bỏ nó...”. Lời bài hát rất thiết tha tượng trưng cho đôi lứa sẵn sàng hy sinh cho nhau. Người ta tìm thấy rất nhiều những bài dân ca như thế trong sách từ thời Tống, ở các tỉnh Sơn Tây, Hồ Bắc, Hồ Nam.

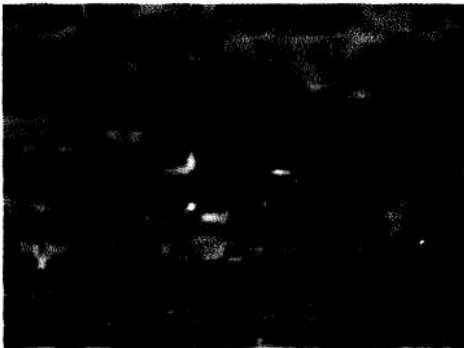
#### IV. MỘT SỐ NHẬN XÉT

*Thứ nhất*, người Hoa nói chung và người Hoa Hẹ nói riêng đều là những cư dân di cư từ các tỉnh phía Nam của Trung Quốc. Họ là một bộ phận của người Hán hoặc đã bị Hán hoá, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã di cư vào Việt Nam, vì vậy trong hành trang mà họ mang theo có cả truyền thống văn hoá dân tộc tồn tại hàng nghìn năm, gồm những yếu tố văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, cùng với những phong tục tập quán, cách ứng xử, nghi lễ, tín ngưỡng, tôn giáo.

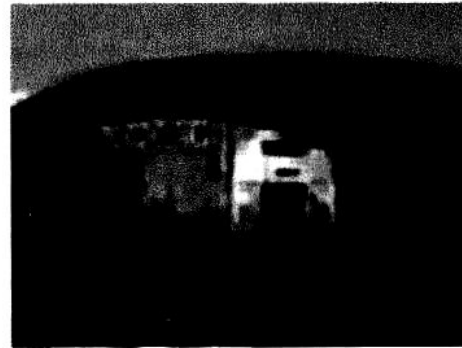
*Thứ hai*, do sinh sống và định cư trên một vùng đất mới Việt Nam, một môi trường hoàn toàn mới, tuy người Hẹ không thể tái lập được những tổ chức xã hội, dòng họ, gia đình hoàn toàn giống như mô hình truyền thống của họ tại cố hương, nhưng họ vẫn cố gắng xây dựng những thiết chế gia đình, các phong tục tập quán phù hợp với những điều kiện ở vùng đất mới, đồng thời bảo lưu những cơ cấu xã hội và nền văn hoá truyền thống của mình.

*Thứ ba*, việc nghiên cứu về những yếu tố văn hoá truyền thống của người Hẹ giúp chúng ta hiểu được những đóng góp của họ trong kho tàng văn hoá chung của dân tộc Việt Nam. Mặt khác, cũng qua việc nghiên cứu này giúp làm rõ và nhận thức được những đặc điểm, cũng như quá trình tộc người của một cộng đồng cư dân. Nghiên cứu về người Hẹ còn giúp hiểu được những đặc điểm văn hoá của cộng đồng người Hoa, giúp chất lọc những giá trị nhân bản để thấy được cái hay, cái đẹp để phát huy, đồng thời hạn chế những mặt tiêu cực để xây dựng một nếp sống văn minh, vừa hiện đại lại vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

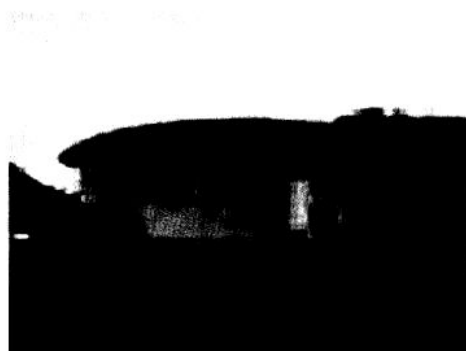
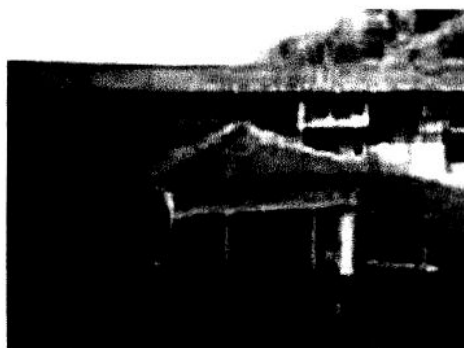
#### PHỤ LỤC



Nhà tròn của người Hẹ



Nhà truyền thống của người Hẹ



\* Các kiểu nhà truyền thống của người Hẹ; Nguồn – Dr Tin – Kay Goh, Sydney, Australia.  
Ảnh chụp tháng 10-1999; <http://www.asiawind.com/hakka/history.htm>.

### CHÚ THÍCH

1. Châu Hải, *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1992, tr.10-11.
2. Nguyễn Duy Bình, *Hôn nhân và gia đình của người Hoa ở Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, thành phố Hồ Chí Minh 1999, tr.16.
3. Khổng Diễn, *Dân số và dân số học tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội 1995, tr .302.
4. Châu Hải, (Sách đã dẫn) tr.16
5. Như trên, tr.25.
6. Như trên, tr.26.
7. Nguyễn Duy Bình (Sdd), tr.19.
8. Mạc Đường, *Xã hội người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh sau năm 1975- Tiềm năng và sự phát triển*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1994 , tr.31.
9. [http:// www.asiawind.com/hakka/history.htm](http://www.asiawind.com/hakka/history.htm)
10. Như trên.
11. Như trên.
12. Như trên.
13. Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Huy Quý. *Lịch sử Trung Quốc*. Nxb Giáo dục, 2001, tr. 28.
14. [http:// www.asiawind.com/hakka/history.htm](http://www.asiawind.com/hakka/history.htm)
15. Nguyễn Duy Bình (Sdd), tr. 28.
16. [http:// www.asiawind.com/hakka/history.htm](http://www.asiawind.com/hakka/history.htm)
17. Nguyễn Duy Bình (Sdd), tr.154.
18. Nguyễn Thị Hoa Xinh - *Tin ngưỡng và tôn giáo của người Hoa Quảng Đông ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Phó Tiến sĩ Lịch sử, thành phố Hồ Chí Minh 1997, tr. 128.